

BỐI CẢNH TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ CÙNG VỚI NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA CHO VIỆC HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO Ở VIỆT NAM

Cao Thị Thu Anh¹

Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ

Nguyễn Phương Tuấn

Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường Quốc hội

Tóm tắt:

Đổi mới sáng tạo được công nhận là động lực then chốt cho tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững ở các quốc gia cũng như ở Việt Nam. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật hiện hành về đổi mới sáng tạo còn nhiều bất cập, chưa theo kịp thực tiễn và thông lệ quốc tế. Bài viết này đánh giá thực trạng, chỉ ra các khoảng trống pháp lý và đề xuất các giải pháp hoàn thiện khung pháp lý về đổi mới sáng tạo tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc hoàn thiện pháp luật đổi mới sáng tạo tại Việt Nam đòi hỏi một cách tiếp cận toàn diện, đồng bộ, linh hoạt, lấy doanh nghiệp làm trung tâm và hội nhập với các chuẩn mực quốc tế. Các khuyến nghị chính sách tập trung vào việc sửa đổi các luật chuyên ngành, cải thiện cơ chế tài chính, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và đổi mới quản lý nhà nước về ĐMST nhằm tạo dựng một môi trường pháp lý thuận lợi, thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động ĐMST, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và đáp ứng yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế.

Từ khóa: *Đổi mới sáng tạo; Hệ thống đổi mới sáng tạo; Pháp luật.*

Mã số: 25060504

DOMESTIC AND INTERNATIONAL CONTEXT AND REQUIREMENTS FOR THE IMPROVEMENT OF LEGAL REGULATIONS ON INNOVATION IN VIETNAM

Abstract:

Innovation is recognized as a key driver of economic growth and sustainable development in countries worldwide, including Vietnam. However, the current legal system governing innovation still has many shortcomings and has not kept pace with practical developments or international norms. This article assesses the current state, identifies legal gaps, and proposes solutions to improve the legal framework for innovation in Vietnam. The research findings indicate that enhancing innovation-related legislation in Vietnam requires a comprehensive, synchronized, and flexible business-centric approach, aligned with international standards. The policy recommendations focus on amending sector-specific laws, improving financial mechanisms, developing high-quality human resources, and renewing state management of innovation. These efforts aim to create a favourable legal environment, strongly promote innovation activities, enhance national competitiveness, and meet the demands of international economic integration.

Keywords: *Innovation; Innovation ecosystem; Regulations.*

¹ Liên hệ tác giả: caothuanh@gmail.com

1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, ĐMST đã trở thành yếu tố then chốt quyết định năng lực cạnh tranh và sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Nhận thức rõ tầm quan trọng này, Việt Nam đã xác định khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH, CN & ĐMST) là một trong những đột phá chiến lược quan trọng để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững. Nhiều chủ trương, chính sách đã được ban hành nhằm thúc đẩy hoạt động ĐMST, coi đây là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế, tạo bút phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy khung pháp lý hiện hành về đổi mới sáng tạo (ĐMST) tại Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập, chưa thực sự theo kịp với yêu cầu của thực tiễn phát triển và các thông lệ quốc tế tốt nhất. Mặc dù Việt Nam đặt ra những mục tiêu đầy tham vọng cho ĐMST, ví dụ như mục tiêu “KH&CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phải đóng góp ít nhất 5% vào mục tiêu tăng trưởng GDP 10% mỗi năm”² và đưa Việt Nam vào nhóm các nước có thu nhập trung bình cao, việc triển khai các chính sách và thực thi pháp luật còn chậm, thiếu đồng bộ và hiệu quả. Điều này tạo ra một “khoảng cách thực thi” đáng kể giữa khát vọng chính sách và kết quả thực tế, cản trở việc phát huy tối đa tiềm năng ĐMST của đất nước. Do đó, việc nghiên cứu một cách hệ thống bối cảnh trong nước và quốc tế, từ đó xác định các yêu cầu và đề xuất giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về ĐMST có ý nghĩa quan trọng trong việc cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn, góp phần xây dựng một môi trường pháp lý thuận lợi, minh bạch và hiệu quả, thực sự thúc đẩy ĐMST và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong giai đoạn phát triển mới. Việc hoàn thiện pháp luật không chỉ dừng lại ở việc hoàn thiện văn bản mà cần tập trung vào việc thiết lập các cơ chế đảm bảo thực thi hiệu quả, giám sát chặt chẽ và đánh giá tác động một cách toàn diện.

2. Cơ sở lý luận về đổi mới sáng tạo và quy định pháp luật về đổi mới sáng tạo

2.1. Khái niệm đổi mới sáng tạo: Quan điểm quốc tế và Việt Nam

Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), trong cuốn “Oslo Manual”, định nghĩa ĐMST là “việc thực hiện một sản phẩm (hàng hóa hoặc dịch vụ) hoặc quy trình mới hoặc được cải tiến đáng kể, một phương pháp marketing mới, hoặc một phương pháp tổ chức mới trong thực tiễn kinh doanh, tổ chức nơi làm việc hoặc quan hệ đối ngoại” (OECD, 2018). Định nghĩa này nhấn mạnh rằng ĐMST không chỉ giới hạn ở nghiên cứu và phát triển (R&D) công nghệ cao mà còn bao trùm cả ĐMST phi công nghệ, ĐMST trong lĩnh vực dịch vụ và ĐMST mô hình kinh doanh (OECD, 2009). Một yếu tố cốt lõi trong định nghĩa của OECD là “sự thực thi”: một phát minh chỉ trở thành ĐMST khi nó được áp dụng trong thực tế hoặc cung cấp cho người dùng.

Ngân hàng Thế giới (World Bank) cũng đặc biệt nhấn mạnh vai trò của các doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST, định nghĩa đây là các doanh nghiệp dựa trên tri thức hoặc

² <https://vjst.vn/vn/tin-tuc/18216/doi-moi-sang-tao--dong-luc-moi-cho-tang-truong-kinh-te-viet-nam.aspx>

công nghệ, phát triển sản phẩm hoặc dịch vụ mới cho thị trường trong nước hoặc thị trường quốc tế và coi đây là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế, đặc biệt tại các quốc gia đang phát triển như Việt Nam (*Ngân hàng Thế giới, 2024*).

Một số hệ thống pháp luật quốc gia cũng đưa ra định nghĩa pháp lý về ĐMST theo hướng tiếp cận tương đồng. Chẳng hạn, Luật Liên bang số 254-FZ ngày 21/7/2011 của CHLB Nga quy định “Đổi mới sáng tạo là một sản phẩm hoặc quy trình mới hoặc được cải tiến đáng kể (hàng hóa, dịch vụ) được đưa vào sử dụng trong thực tiễn.

Luật hoạt động ĐMST của Serbia và Luật ĐMST của Philippines đều thống nhất coi ĐMST là việc áp dụng sản phẩm, quy trình hoặc dịch vụ mới hoặc được cải tiến đáng kể nhằm tạo ra giá trị gia tăng, bao gồm các hình thức đổi mới sản phẩm, quy trình, tổ chức và tiếp thị.

Tại Việt Nam, Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 định nghĩa: “Đổi mới sáng tạo là việc tạo ra, ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa”. Định nghĩa này tập trung vào việc “tạo ra” và “ứng dụng” các giải pháp, tương đối gần với khái niệm “phát minh” và quá trình ứng dụng ban đầu.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, tư duy tiếp cận về ĐMST tại Việt Nam đã có sự chuyển biến đáng kể. Dự thảo Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo đang được xây dựng đã đặt ĐMST ngang hàng với KH&CN, thể hiện một bước tiến quan trọng trong tư duy quản lý nhà nước, nhằm đưa ĐMST vào cuộc sống, tạo ra năng lực cạnh tranh và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Sự tiệm cận với quan điểm quốc tế thể hiện xu hướng mở rộng vai trò trung tâm của doanh nghiệp và nhân mạnh yếu tố ứng dụng. Điều này đặt ra yêu cầu pháp luật phải theo kịp thực tiễn, không chỉ tập trung vào bảo hộ phát minh mà còn kiên tạo một hành lang pháp lý linh hoạt, khuyến khích rủi ro có kiểm soát, và hỗ trợ toàn diện cho các chủ thể tham gia vào chuỗi đổi mới sáng tạo - từ nhà nghiên cứu, doanh nghiệp đến nhà đầu tư.

2.2. Khái niệm, vai trò và các yếu tố cấu thành của khung pháp lý cho đổi mới sáng tạo

Khung pháp lý về ĐMST được hiểu là một hệ thống các quy định pháp luật, chính sách và thể chế điều chỉnh toàn diện các khía cạnh của hoạt động KH,CN&ĐMST trong một quốc gia (*Silva & Lima, 2024*). Đây không phải là một ngành luật độc lập mà là kết quả của sự giao thoa giữa nhiều lĩnh vực pháp luật khác nhau. Khung pháp lý này đảm nhận 4 vai trò chính:

- Bảo vệ thành quả sáng tạo: Thông qua các quy định về sở hữu trí tuệ (SHTT), pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nhà sáng tạo, khuyến khích họ tiếp tục đầu tư vào hoạt động ĐMST;
- Khuyến khích đầu tư và chấp nhận rủi ro: Các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, tài trợ R&D và chia sẻ rủi ro giúp huy động nguồn lực và thúc đẩy đầu tư cho các hoạt động vốn có mức độ rủi ro cao như ĐMST;

- Tạo lập môi trường cạnh tranh và hợp tác: Pháp luật hỗ trợ hình thành môi trường cạnh tranh lành mạnh, nơi các ý tưởng mới được khuyến khích; đồng thời thúc đẩy sự hợp tác giữa các chủ thể trong hệ thống ĐMST, bao gồm hợp tác công - tư và liên kết giữa viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp;
- Định hướng và điều tiết hoạt động ĐMST: Pháp luật giúp định hướng hoạt động ĐMST phù hợp với chiến lược phát triển quốc gia, đồng thời điều tiết các hoạt động này nhằm đảm bảo lợi ích công cộng và phát triển bền vững.

Một khung pháp lý ĐMST toàn diện thường bao gồm các yếu tố sau:

- Pháp luật về sở hữu trí tuệ: Bảo hộ sáng chế, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, quyền tác giả, bí mật kinh doanh,...
- Chính sách và pháp luật về tài trợ R&D và ưu đãi đầu tư cho ĐMST: gồm các quy định về quỹ phát triển KHCN, ưu đãi thuế, tín dụng cho các dự án R&D và ĐMST;
- Quy định về thành lập và hoạt động của các chủ thể ĐMST, gồm: tổ chức KHCN, doanh nghiệp KHCN, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST. Tạo điều kiện cho sự hình thành và phát triển của các chủ thể nòng cốt trong ĐMST và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;
- Pháp luật về chuyển giao công nghệ: Tạo điều kiện cho việc chuyển giao và ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống;
- Hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm: Đảm bảo chất lượng và sự an toàn của các sản phẩm ĐMST;
- Cơ chế giải quyết tranh chấp: đặc biệt là các quy định về giải quyết tranh chấp liên quan đến SHTT và kết quả ĐMST;
- Quy định về hợp tác công - tư và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ĐMST;
- Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát: Cho phép thử nghiệm công nghệ mới hoặc mô hình kinh doanh mới trong môi trường pháp lý linh hoạt, có kiểm soát.

Tính hiệu quả của khung pháp lý cho ĐMST phụ thuộc vào mức độ đồng bộ, tương thích và khả năng phối hợp giữa các lĩnh vực pháp luật cấu thành. Ví dụ, chính sách ưu đãi thuế cho hoạt động R&D sẽ chỉ phát huy tác dụng khi được quy định rõ trong Luật Thuế và đi kèm các với quy trình hành chính đơn giản, minh bạch và khả thi. Thực tế tại Việt Nam cho thấy sự thiếu đồng bộ giữa các văn bản pháp lý liên quan đang là trở ngại lớn trong việc triển khai hiệu quả của các chính sách thúc đẩy ĐMST. Do đó, việc hoàn thiện khung pháp lý cho ĐMST đòi hỏi một cách tiếp cận tổng thể, liên ngành, chứ không chỉ tập trung vào một đạo luật đơn lẻ như Luật KH,CN&ĐMST. Bên cạnh đó, cần thiết lập một cơ chế điều phối liên ngành hiệu quả trong quá trình xây dựng, ban hành và thực thi pháp luật, đảm bảo tính nhất quán và hỗ trợ đầy đủ cho các hoạt động ĐMST trong thực tiễn.

3. Bối cảnh đổi mới sáng tạo: thực tiễn Việt Nam và quốc tế

3.1. Bối cảnh đổi mới sáng tạo tại Việt Nam

3.1.1. Chủ trương, chính sách, chiến lược và khung pháp lý chủ yếu về đổi mới sáng tạo của Việt Nam

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã ban hành một hệ thống các văn kiện chính sách, chiến lược và pháp luật nhằm thúc đẩy ĐMST.

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng của KH,CN&ĐMST trong phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị đã đặt ra định hướng chiến lược và giải pháp đột phá trong phát triển KHCN, ĐMST và chuyển đổi số quốc gia. Bên cạnh đó, Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/05/2025 của Bộ Chính trị cũng nhấn mạnh vai trò của khu vực kinh tế tư nhân như một động lực quan trọng trong hệ thống ĐMST.

Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030 (ban hành kèm theo Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022) xác định rõ mục tiêu, quan điểm và giải pháp tổng thể nhằm thúc đẩy KH,CN&ĐMST trong giai đoạn tới.

Các quy định pháp luật quan trọng điều chỉnh hoạt động ĐMST bao gồm: Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013; Luật Sở hữu trí tuệ (sửa đổi năm 2022); Luật Đầu tư (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn như Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; Luật Doanh nghiệp và các văn bản hỗ trợ DNNVV, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo như Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, Nghị định số 94/2020/NĐ-CP (đã được thay thế bởi Nghị định số 97/2025/NĐ-CP), Nghị quyết số 98/2023/QH15. Ngoài ra, Nghị định về Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia (NIC) và các chính sách ưu đãi đặc thù như Nghị quyết số 193/2025/QH15 và Nghị định số 88/2025/NĐ-CP được ban hành nhằm tạo môi trường thử nghiệm và đột phá cho các mô hình phát triển mới trong KHCN, ĐMST và chuyển đổi số.

Đặc biệt, dự thảo Luật Khoa học và Công nghệ (sửa đổi) và Đổi mới sáng tạo đang được xây dựng với nhiều điểm đổi mới quan trọng. Nhà nước thúc đẩy, phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo ở quy mô quốc gia, ngành, địa phương, đặc biệt là việc luật hóa vai trò trung tâm của ĐMST, lấy doanh nghiệp làm trung tâm, đề xuất cải cách cơ chế tài chính và quản lý nhà nước theo hướng linh hoạt, chấp nhận rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu ra.

2.1.2. Thực trạng đổi mới sáng tạo ở Việt Nam: thành tựu, thách thức và điểm nghẽn

Hệ thống đổi mới sáng tạo của Việt Nam bao gồm các chủ thể chính: Nhà nước, các viện nghiên cứu, trường đại học và cộng đồng doanh nghiệp. Trong những năm gần đây, vai trò trung tâm của doanh nghiệp trong hoạt động ĐMST ngày càng được xác lập rõ ràng, trong khi Nhà nước dần chuyển sang vai trò kiến tạo, định hướng và hỗ trợ, còn các viện nghiên cứu, trường đại học đảm nhiệm chức năng cung cấp tri thức và nguồn nhân lực.

Nỗ lực của Việt Nam trong thúc đẩy ĐMST đã mang lại những kết quả đáng ghi nhận. Vị thế của Việt Nam trên bản đồ ĐMST toàn cầu đã có sự cải thiện đáng kể, thể hiện qua việc liên tục tăng hạng trong Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII). Năm 2024, Việt Nam xếp hạng 44/133 quốc gia và nền kinh tế, tăng 2 bậc so với năm 2023 (hạng 46) và duy trì vị trí thứ 2 trong nhóm các quốc gia có thu nhập trung

bình thấp, đồng thời đứng thứ 10 trong khu vực Đông Nam Á, Đông Á và Châu Đại dương (WIPO, 2024a). Một điểm đáng chú ý là Việt Nam thường có kết quả đầu ra ĐMST tốt hơn so với các yếu tố đầu vào ĐMST. Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST cũng có những bước phát triển tích cực với sự xuất hiện của các doanh nghiệp kỳ lân công nghệ, thu hút vốn đầu tư mạo hiểm, mặc dù có những biến động theo tình hình chung của thế giới. Các thành phố lớn như TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội đã được ghi nhận là những trung tâm khởi nghiệp năng động trong khu vực. KH, CN & ĐMST cũng đã có những đóng góp nhất định vào tăng trưởng kinh tế. Sự ra đời và đi vào hoạt động của các trung tâm hỗ trợ ĐMST như Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NIC) và Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo quốc gia (NSSC) cũng là những điểm sáng, tạo nền tảng cho các hoạt động hỗ trợ và kết nối.

Tuy nhiên, thực trạng ĐMST tại Việt Nam vẫn còn nhiều thách thức. Đầu tư cho R&D còn hạn chế, với tỷ lệ chi tiêu cho R&D chỉ khoảng 0,4% GDP - thấp hơn mức trung bình của nhiều quốc gia trên thế giới và trong khu vực (Bộ KH&CN, 2023)³. Nguồn vốn cho R&D vẫn phụ thuộc chủ yếu vào ngân sách nhà nước và một phần từ doanh nghiệp, đòi hỏi cần có các cơ chế khuyến khích mạnh mẽ hơn nhằm thúc đẩy đầu tư ngoài ngân sách vào hoạt động ĐMST.

Bảng 1. Chi cho NC&PT theo thành phần kinh tế

Đơn vị tính: tỷ VNĐ

Thành phần kinh tế	2015	2017	2019	2021
Nhà nước	11.469,7	12.970,57	15.105,22	16.155,1
Ngoài Nhà nước	2.209,1	10.122,28	12.864,43	15.813,2
Có vốn đầu tư nước ngoài	4.817,3	3.275,74	4.132,15	4.098,2
Tổng cộng	18.496,1	26.368,59	32.101,80	36.066,5
Tỷ lệ chi NC&PT/GDP (%)	0,44	0,52	0,53	0,42

Nguồn: Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, 2023.

Hoạt động ĐMST trong doanh nghiệp, đặc biệt là ở khối doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), còn khá hạn chế. Nhiều doanh nghiệp chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của ĐMST và chưa sẵn sàng đầu tư cho các hoạt động mang tính đột phá. Kết quả ĐMST, thể hiện qua số lượng công bố quốc tế và đơn đăng ký sáng chế, đã có sự gia tăng nhưng chất lượng và tỷ lệ thương mại hóa các kết quả nghiên cứu này vẫn là một thách thức lớn.

Bảng 2. Thực trạng thực hiện đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp theo quy mô doanh nghiệp

Đơn vị tính: %

Quy mô	Chỉ ĐM sản phẩm		Chỉ ĐM quy trình		ĐMSP&QT		Không ĐMST	
	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
Doanh nghiệp nhỏ	4,7	8,8	13,2	6,6	5,0	5,7	77,1	78,9

³ Tỷ lệ % đầu tư cho NC&PT tính theo GDP của Israel năm 2021 ở mức 5,56%, Hàn Quốc: 4,93%, Đài Loan: 3,77%, Hoa Kỳ: 3,46%, EU: 2,16%, Thái Lan đạt 1,3%, Singapore 2,2%, Malaysia 1%

Doanh nghiệp vừa	10,9	15,5	16,3	22,5	9,4	9,9	63,4	52,1
Doanh nghiệp lớn	12,9	16,6	17,2	17,8	15,9	23,6	54,0	42,1

Nguồn: Điều tra ĐMST trong doanh nghiệp năm 2023, Cục Thông tin KH&CN quốc gia.

Về nguồn nhân lực, Việt Nam cần tiếp tục cải thiện cả về số lượng và chất lượng đội ngũ nhân lực cho ĐMST, đặc biệt là nhân lực trình độ cao và có kỹ năng phù hợp với yêu cầu của Cách mạng Công nghiệp 4.0. Hạ tầng hỗ trợ ĐMST, bao gồm các khu công nghệ cao, trung tâm ĐMST đang được Chính phủ quan tâm đầu tư và phát triển, hứa hẹn tạo ra những nền tảng quan trọng cho hoạt động ĐMST. Thị trường KHCN cũng đang từng bước hình thành và phát triển, tuy nhiên cần có những chính sách đột phá để thúc đẩy các giao dịch hàng hóa KHCN, kết nối hiệu quả cung - cầu công nghệ.

Một điểm đáng lưu ý là mặc dù chính sách của Việt Nam ngày càng nhấn mạnh vai trò trung tâm của doanh nghiệp trong hệ thống ĐMST quốc gia, năng lực ĐMST thực tế của phần lớn doanh nghiệp, đặc biệt là DNNVV, vẫn còn yếu (*World Bank, 2021*). Chi tiêu cho R&D trong doanh nghiệp còn thấp và các hoạt động ĐMST chưa phổ biến và hiệu quả còn hạn chế. Điều này tạo ra một khoảng cách đáng kể giữa định hướng chính sách và năng lực thực thi của chủ thể được coi là trung tâm. Do đó, cần có những cơ chế pháp lý đặc thù, thiết thực và dễ tiếp cận nhằm nâng cao năng lực ĐMST trong doanh nghiệp, thông qua hỗ trợ cụ thể về tài chính, công nghệ, nhân lực và kết nối hợp tác.

Quá trình thúc đẩy ĐMST ở Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức và điểm nghẽn:

Khung pháp lý và chính sách: còn thiếu các cơ chế, chính sách đặc thù, đủ mạnh để thúc đẩy ĐMST trong các lĩnh vực công nghệ cao và mới nổi. Hệ thống pháp luật còn thiếu đồng bộ, chồng chéo giữa các luật chuyên ngành, gây khó khăn trong thực thi. Thủ tục hành chính liên quan đến SHTT, triển khai dự án R&D còn phức tạp.

Hệ thống ĐMST: còn manh mún, thiếu sự gắn kết chặt chẽ giữa viện nghiên cứu - trường đại học - doanh nghiệp, dẫn đến tỷ lệ thương mại hóa kết quả nghiên cứu thấp.

Đầu tư cho R&D: chi tiêu cho R&D còn thấp so với tiềm năng và nhu cầu, thậm chí có xu hướng giảm trong một số giai đoạn, đặc biệt là đầu tư từ khu vực tư nhân còn hạn chế. Cơ chế tài chính cho KH,CN&ĐMST còn cứng nhắc, chưa thực sự khuyến khích các hoạt động có tính rủi ro cao.

Năng lực doanh nghiệp: Năng lực hấp thụ công nghệ và ĐMST của phần lớn doanh nghiệp, nhất là DNNVV, còn hạn chế. Nhiều doanh nghiệp chưa có chiến lược ĐMST rõ ràng, ngại thay đổi và thiếu nguồn lực để đầu tư cho R&D. Nhận thức về ĐMST trong cộng đồng doanh nghiệp còn hạn chế (*Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN, 2023*).

Nguồn nhân lực: chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế, thiếu chuyên gia đầu ngành và nhân lực có kỹ năng phù hợp với các xu hướng công nghệ mới.

Thương mại hóa kết quả nghiên cứu: Tỷ lệ thương mại hóa các kết quả nghiên cứu khoa học, đặc biệt là từ các viện, trường công lập, còn rất thấp, gây lãng phí nguồn lực đầu tư công.

Nghịch lý “đầu ra tốt hơn đầu vào” của Việt Nam trong bảng xếp hạng GII tuy là một điểm tích cực, cho thấy khả năng tận dụng nguồn lực hiện có nhưng cũng hàm chứa những lo ngại. Nếu các yếu tố “đầu vào” như chi tiêu cho R&D, chất lượng thể chế, môi trường kinh doanh, và nguồn nhân lực chất lượng cao vẫn còn ở mức thấp và đối mặt với nhiều hạn chế, thì việc “đầu ra tốt hơn” có thể chỉ mang tính tương đối và khó bền vững. Thách thức đặt ra là làm thế nào để nâng cao cả chất lượng “đầu vào” và đồng thời cải thiện hiệu quả chuyển đổi từ “đầu vào” thành những “đầu ra” ĐMST thực sự có giá trị gia tăng cao, đóng góp thiết thực vào sự phát triển kinh tế - xã hội. Do đó, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật không chỉ nhằm tăng cường nguồn lực (đầu vào) cho ĐMST, mà cần tập trung vào việc tháo gỡ các rào cản vận hành, nâng cao hiệu quả chuyển hóa nguồn lực thành kết quả ĐMST có giá trị gia tăng và khả năng ứng dụng thực tiễn cao, đóng góp thiết thực vào phát triển kinh tế - xã hội.

3.2. Bối cảnh quốc tế về đổi mới sáng tạo

3.2.1. Xu hướng đổi mới sáng tạo toàn cầu và vai trò của các tổ chức quốc tế

Bối cảnh ĐMST toàn cầu hiện nay đang chứng kiến những chuyển động phức tạp. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu có xu hướng chậm lại, nguồn tài chính dành cho ĐMST bị thu hẹp và năng suất lao động ở nhiều quốc gia tăng trưởng trì trệ (WIPO, 2024b). Đầu tư vào KHCN trên phạm vi toàn cầu có dấu hiệu chững lại sau giai đoạn bùng nổ 2020 - 2022, đặc biệt là dòng vốn đầu tư mạo hiểm và số lượng các công bố khoa học quốc tế. Tuy nhiên, tiến bộ công nghệ vẫn diễn ra mạnh mẽ ở một số lĩnh vực then chốt như y tế (giải trình tự gen), công nghệ tính toán, năng lượng (pin điện) và việc ứng dụng các công nghệ mới như AI, 5G, robot, xe điện vẫn tiếp tục gia tăng. Các xu hướng nổi bật của ĐMST bao gồm: ĐMST mở, ĐMST bền vững, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), khai thác dữ liệu lớn (Big Data) và sự phát triển của các công nghệ mới nổi khác.

Trong bối cảnh này, các tổ chức quốc tế đóng vai trò quan trọng trong việc định hình và thúc đẩy ĐMST toàn cầu:

- Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới (WIPO): Thúc đẩy việc bảo hộ SHTT trên toàn cầu, hài hòa hóa các quy định pháp lý về SHTT và công bố thường niên Chỉ số Đổi mới sáng tạo Toàn cầu (GI), cung cấp cơ sở đánh giá và so sánh năng lực ĐMST giữa các quốc gia;
- Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD): Thực hiện các phân tích chính sách chuyên sâu về ĐMST, đưa ra các khuyến nghị quan trọng đồng thời thúc đẩy các nguyên tắc quản trị AI có trách nhiệm và phát triển bền vững;
- Ngân hàng Thế giới (World Bank): Hỗ trợ các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam, trong việc xây dựng và triển khai các chiến lược ĐMST nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo.

Một đặc điểm nổi bật của bối cảnh quốc tế hiện nay là sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, dẫn đến các cuộc “chiến tranh thương mại và công nghệ”.

Trung Quốc đã vươn lên dẫn đầu trong nhiều lĩnh vực công nghệ mũi nhọn. Điều này góp phần vào xu hướng “phân mảnh, chia rẽ” trên toàn cầu, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ số (“chia rẽ số”) và làm chậm lại quá trình toàn cầu hóa truyền thống. Trong bối cảnh đó, các quốc gia ngày càng chú trọng hơn đến việc xây dựng năng lực tự chủ về công nghệ và phát triển hệ thống ĐMST nội sinh. Đối với Việt Nam, điều này đặt ra yêu cầu cần phải có một chiến lược ĐMST và một khung pháp lý không chỉ hướng đến hội nhập quốc tế mà còn phải nâng cao khả năng tự chủ, giảm sự phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài và tăng cường khả năng chống chịu trước những cú sốc tiềm ẩn trong một thế giới ngày càng phân cực và khó đoán định.

3.2.2. Kinh nghiệm quốc tế trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật về ĐMST

Nhiều quốc gia trên thế giới đã đạt được những thành tựu đáng kể trong việc thúc đẩy ĐMST thông qua việc xây dựng và hoàn thiện các khung pháp lý phù hợp. Kinh nghiệm của các quốc gia này cung cấp những bài học quý giá cho Việt Nam.

Hàn Quốc: Đã xây dựng một nền tảng pháp lý toàn diện với các đạo luật quan trọng như: Luật Khung về KH&CN, Luật Khuyến khích Phát minh (2023), Luật Đặc biệt về tăng cường và bảo vệ năng lực cạnh tranh của ngành công nghệ cao chiến lược quốc gia (2022). Quốc gia này phát triển mạnh mẽ hệ thống hỗ trợ R&D thông qua các viện nghiên cứu công lập như Viện Khoa học và Công nghệ Hàn Quốc (KIST), các cơ quan xúc tiến như Viện Xúc tiến Công nghệ Hàn Quốc (KIAT), cùng với các chính sách thử nghiệm có kiểm soát cho các công nghệ mới. Kế hoạch công tác năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ thông tin (MSIT) tiếp tục ưu tiên các công nghệ chiến lược như AI và thương mại hóa kết quả R&D (MSIT, 2025).

Singapore: Nổi bật với các Kế hoạch Nghiên cứu, Đổi mới và Doanh nghiệp (RIE) dài hạn, đặc biệt là RIE2025 - với nguồn ngân sách lớn, tập trung vào các lĩnh vực chiến lược và thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Các cơ quan như A*STAR (nghiên cứu khoa học và thương mại hóa) và Enterprise Singapore (hỗ trợ doanh nghiệp và ĐMST) đóng vai trò chủ chốt. Chính sách Sở hữu trí tuệ quốc gia (National IP Protocol) hướng dẫn việc quản lý và thương mại hóa SHTT được tạo ra từ nguồn vốn công. Các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp như Startup SG và các ưu đãi thuế cho ĐMST (Enterprise Innovation Scheme - EIS) cũng rất hiệu quả.

Israel: Được mệnh danh là “quốc gia khởi nghiệp”, Israel có Luật Khuyến khích Nghiên cứu và Phát triển Công nghiệp năm 1984 làm nền tảng. Cơ quan Đổi mới Sáng tạo Israel (IIA) đóng vai trò trung tâm trong việc hoạch định chính sách, tài trợ R&D, hỗ trợ khởi nghiệp và chuyển giao công nghệ. Chính sách hỗ trợ vốn mạo hiểm, điển hình là chương trình Yozma, đã góp phần quan trọng vào sự thành công của hệ sinh thái khởi nghiệp Israel.

Phần Lan: Với mục tiêu tăng tổng chi cho R&D lên 4% GDP vào năm 2030, Phần Lan đã ban hành Luật Tài trợ Nghiên cứu và Phát triển năm 2023. Tổ chức Business Finland đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp tài trợ cho R&D, hỗ trợ các hoạt động ĐMST và thúc đẩy hợp tác công-tư.

Các nước ASEAN như: Malaysia, Thái Lan, Indonesia cũng đang tích cực xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý cho ĐMST.

Malaysia có chính sách quốc gia về KH,CN&ĐMST (NPSTI) và Kế hoạch chi tiết kinh tế số Malaysia (MyDIGITAL), với vai trò điều phối của Bộ KH,CN&ĐMST (MOSTI) và Cơ quan Kinh tế số Malaysia (MDEC).

Thái Lan ban hành Luật KH,CN&ĐMST quốc gia năm 2008, thành lập Ủy ban Chính sách KHCN&ĐMST quốc gia (NSTIC, sau này là NCRIP) và Văn phòng Chính sách KHCN&ĐMST quốc gia (STIO).

Indonesia có Luật số 11/2019 về Hệ thống KH&CN quốc gia và vai trò ngày càng tăng của Cơ quan Nghiên cứu và Đổi mới Quốc gia (BRIN).

Điểm chung trong các mô hình thành công là: vai trò kiến tạo và điều phối chủ động của Nhà nước. Nhà nước không chỉ ban hành luật pháp mà còn đóng vai trò dẫn dắt trong việc định hướng chiến lược phát triển ĐMST, đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên, xây dựng hạ tầng thiết yếu và điều phối hiệu quả hoạt động của các chủ thể trong hệ thống ĐMST. Các cơ quan chuyên trách về ĐMST như IIA (Israel), Business Finland, A*STAR và Enterprise Singapore (Singapore), KIAT và KIST (Hàn Quốc), BRIN (Indonesia), MOSTI và MDEC (Malaysia) đóng vai trò then chốt trong việc triển khai chính sách và cung cấp các chương trình hỗ trợ cụ thể. Cách tiếp cận này không phải là sự can thiệp hành chính thuần túy vào thị trường mà là sự kết hợp hài hòa giữa cơ chế thị trường và vai trò dẫn dắt, kiến tạo của nhà nước nhằm đạt được các mục tiêu ĐMST quốc gia. Điều này gợi ý rằng Việt Nam cần tiếp tục tăng cường năng lực và vai trò của các cơ quan nhà nước liên quan đến ĐMST như Bộ KH&CN, các trung tâm đổi mới sáng tạo, các quỹ phát triển KH&CN, không chỉ trong việc xây dựng chính sách mà còn trong việc điều phối, kết nối và triển khai các chương trình hỗ trợ một cách hiệu quả, linh hoạt và có tầm nhìn dài hạn. Bảng 3 dưới đây so sánh một số khía cạnh chính trong khung pháp lý ĐMST của một số quốc gia tiêu biểu.

Bảng 3: So sánh khung pháp lý ĐMST ở một số quốc gia

Quốc gia	Văn bản pháp luật chính	Cơ quan chủ quản chính	Cơ chế hỗ trợ R&D nổi bật	Chính sách hỗ trợ DN/khởi nghiệp ĐMST	Quản lý SHTT và thương mại hóa
Hàn Quốc	Luật Khung về KH&CN; Luật Khuyến khích Phát minh; Luật Đặc biệt về Ngành Công nghệ Cao Chiến lược Quốc gia	Bộ Khoa học và ICT (MSIT)	Tài trợ R&D quy mô lớn, các chương trình quốc gia về công nghệ chiến lược, hỗ trợ DNNVV R&D	Quỹ đầu tư mạo hiểm, vườn ươm công nghệ, sandbox pháp lý cho AI	Hệ thống bảo hộ SHTT mạnh, các văn phòng chuyển giao công nghệ (TLOs)
Singapore	Các Kế hoạch RIE (ví dụ RIE2025)	Hội đồng Nghiên cứu, Đổi mới và DN (RIEC); A*STAR; Enterprise Singapore	Tài trợ lớn cho các lĩnh vực chiến lược (VD: sản xuất tiên tiến, y tế đô thị bền vững), hợp tác công - tư	Startup SG (tài trợ, đồng đầu tư, cố vấn); ưu đãi thuế (EIS); hỗ trợ quốc tế hóa	National IP Protocol; hỗ trợ thương mại hóa IP từ quỹ công
Israel	Luật Khuyến khích Nghiên cứu và Phát minh	Cơ quan Đổi mới Sáng tạo Israel (IIA)	Tài trợ có điều kiện cho R&D (hoàn trả khi	Quỹ khởi nghiệp, vườn ươm công nghệ, chương	Khuyến khích thương mại hóa,

	triển Công nghiệp 1984 ¹⁴¹		thành công), các chương trình quốc gia về công nghệ tương lai (AI, Bio Convergence)	trình Tnufa (ý tưởng), hỗ trợ nhân lực công nghệ cao	hỗ trợ đăng ký SHTT quốc tế
Phản Lan	Luật Tài trợ Nghiên cứu và Phát triển 2023	Business Finland; Bộ Giáo dục và Văn hóa; Bộ Kinh tế và Việc làm	Tăng mạnh ngân sách nhà nước cho R&D, các chương trình hợp tác công-tư, tài trợ cho các dự án ĐMST của doanh nghiệp và viện nghiên cứu	Tài trợ cho R&D của DNNVV và công ty lớn, các chương trình tăng tốc khởi nghiệp, hỗ trợ quốc tế hóa	Hỗ trợ đăng ký và khai thác SHTT, các chương trình chuyển giao công nghệ
Việt Nam	Dự thảo Luật KH&CN&ĐMST; Luật SHTT; Luật Đầu tư; Luật Doanh nghiệp,...	Bộ KH&CN và các Bộ ngành liên quan	Các chương trình KH&CN quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh; Quỹ Phát triển KH&CN Quốc gia, Quỹ ĐMCN QG	Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp ĐMST (Nghị định 80, 97); ưu đãi thuế, tín dụng cho dự án ĐMST, công nghệ cao	Hệ thống bảo hộ SHTT đang hoàn thiện; Chương trình phát triển thị trường KH&CN

Nguồn: Tác giả tổng hợp

3.2.3. Các cam kết quốc tế của Việt Nam về đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ

Việt Nam đã và đang tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, thể hiện qua việc tham gia vào nhiều điều ước quốc tế quan trọng liên quan đến ĐMST và SHTT.

Tham gia các điều ước quốc tế của WIPO: Việt Nam là thành viên của hầu hết các điều ước quốc tế cốt lõi do WIPO quản lý, bao gồm Công ước Paris về bảo hộ sở hữu công nghiệp, Công ước Berne về bảo hộ tác phẩm văn học và nghệ thuật, Hiệp ước Hợp tác Sáng chế (PCT), Thỏa ước Madrid về đăng ký quốc tế nhãn hiệu, Hiệp ước WIPO về Quyền tác giả (WCT), Hiệp ước WIPO về Cuộc biểu diễn và Bản ghi âm (WPPT), và nhiều điều ước khác. Việc tham gia các điều ước này đòi hỏi hệ thống pháp luật SHTT của Việt Nam phải không ngừng được hoàn thiện để tương thích với các chuẩn mực quốc tế.

Cam kết trong các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) thế hệ mới: Việt Nam đã ký kết và thực thi các FTA quan trọng như Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP). Các FTA này đều có các chương riêng về SHTT với các tiêu chuẩn bảo hộ cao hơn so với Hiệp định TRIPS của WTO, đồng thời yêu cầu các biện pháp thực thi quyền SHTT chặt chẽ hơn. Cụ thể:

- EVFTA có các cam kết về bảo hộ SHTT, lao động và môi trường, đồng thời có các điều khoản hỗ trợ DNNVV thông qua việc đơn giản hóa thủ tục, minh bạch hóa và hợp tác quản lý;
- CPTPP bao gồm các quy định toàn diện về thương mại điện tử, SHTT, lao động và môi trường và cũng có các điều khoản hỗ trợ DNNVV;

- RCEP bao gồm các điều khoản về SHTT, thương mại điện tử, cạnh tranh, hỗ trợ DNNVV và hợp tác kinh tế kỹ thuật.

Các cam kết quốc tế này không chỉ tạo áp lực buộc Việt Nam phải cải cách và hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nước cho phù hợp mà còn mở ra những cơ hội hợp tác quốc tế, tiếp cận thị trường và công nghệ mới. Điều quan trọng là các FTA thế hệ mới không chỉ dừng lại ở các quy định về SHTT mà còn bao gồm các điều khoản về hợp tác khoa học công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật, phát triển DNNVV, thương mại điện tử và đầu tư. Những điều khoản này, dù không trực tiếp cấu thành “luật ĐMST” nhưng lại tạo ra các điều kiện khung và cơ hội hợp tác, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực cho các chủ thể ĐMST trong nước. Do đó, việc hoàn thiện pháp luật ĐMST của Việt Nam cần phải khai thác tối đa các cơ hội và thực thi hiệu quả các cam kết hợp tác trong các FTA, không chỉ giới hạn ở việc nội luật hóa các quy định về SHTT. Điều này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ và chủ động của các bộ, ngành liên quan để cụ thể hóa và triển khai các điều khoản hợp tác này vào thực tiễn.

4. Các yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện quy định pháp luật về đổi mới sáng tạo ở Việt Nam

4.1. Yêu cầu từ bối cảnh trong nước

Bối cảnh trong nước đặt ra nhiều yêu cầu cấp bách đối với việc hoàn thiện pháp luật về ĐMST:

Giải quyết các điểm nghẽn, bất cập hiện tại: Cần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư cho KHCN&ĐMST, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm. Phải thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa việc thương mại hóa kết quả R&D, tăng cường sự liên kết thực chất giữa viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp. Một yêu cầu quan trọng là phải xây dựng được cơ chế tài chính linh hoạt, chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học và ĐMST, thay vì các quy trình quản lý tài chính cứng nhắc hiện nay. Đồng thời, cần tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các hoạt động ĐMST.

Hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là DNNVV và doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST: Pháp luật cần tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp này tiếp cận vốn, công nghệ tiên tiến, thị trường và nguồn nhân lực chất lượng cao. Cần có các chính sách ưu đãi cụ thể, hấp dẫn và dễ tiếp cận về thuế, tín dụng để khuyến khích doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư cho R&D và các hoạt động ĐMST.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho ĐMST: Yêu cầu đặt ra là phải cải cách căn bản hệ thống giáo dục đại học và đào tạo nghề, gắn kết chặt chẽ chương trình đào tạo với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động và định hướng phát triển ĐMST của đất nước. Song song đó, cần xây dựng và triển khai các chính sách đột phá để thu hút và trọng dụng nhân tài KHCN, bao gồm cả các chuyên gia hàng đầu trong nước, người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia quốc tế.

Xác định rõ vai trò của Nhà nước và thị trường: Nhà nước cần đóng vai trò kiến tạo môi trường, định hướng chiến lược và hỗ trợ các nguồn lực ban đầu, trong khi thị

trường sẽ đóng vai trò chủ đạo trong việc phân bổ nguồn lực và đánh giá hiệu quả của các hoạt động ĐMST.

Một trong những yêu cầu cốt lõi từ bối cảnh trong nước là sự cần thiết phải thể chế hóa cơ chế “chấp nhận rủi ro” và “đánh giá dựa trên hiệu quả đầu ra” trong các quy định pháp luật. Hoạt động ĐMST, đặc biệt là nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới, vốn dĩ mang tính rủi ro cao và không phải mọi dự án đều có thể thành công như mong đợi. Tuy nhiên, các quy định pháp luật hiện hành, nhất là các quy định về quản lý tài chính công, thường được thiết kế theo hướng phòng ngừa rủi ro một cách tối đa, thiếu linh hoạt và không chấp nhận thất bại, điều này vô hình chung tạo ra rào cản lớn cho các nhà khoa học và tổ chức KHCN muốn theo đuổi những ý tưởng đột phá. Dự thảo Luật KHCN&ĐMST mới đang có những định hướng thay đổi tư duy này, chuyển từ kiểm soát quy trình đầu vào sang quản lý theo kết quả, hiệu quả đầu ra và chấp nhận rủi ro có kiểm soát. Do đó, việc hoàn thiện pháp luật sắp tới cần cụ thể hóa các quy định về cơ chế chấp nhận rủi ro có kiểm soát, cơ chế khoán chi dựa trên sản phẩm cuối cùng, và các tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu ra một cách rõ ràng, minh bạch. Điều này sẽ tạo không gian cho sự sáng tạo, giảm bớt gánh nặng thủ tục hành chính không cần thiết và khuyến khích các nhà nghiên cứu, doanh nghiệp mạnh dạn hơn trong việc theo đuổi các ý tưởng ĐMST mang tính đột phá.

4.2. Yêu cầu từ bối cảnh quốc tế

Bối cảnh quốc tế cũng đặt ra những yêu cầu quan trọng đối với việc hoàn thiện pháp luật ĐMST của Việt Nam:

Học hỏi thông lệ tốt và kinh nghiệm thành công của các quốc gia đi trước: Việt Nam cần chủ động nghiên cứu, học hỏi và áp dụng một cách có chọn lọc các mô hình pháp lý, chính sách hỗ trợ ĐMST đã được chứng minh hiệu quả ở các quốc gia có hệ thống ĐMST phát triển như Hàn Quốc, Singapore, Israel, Phần Lan và các nước khác.

Đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và thực thi các cam kết quốc tế: Việc hoàn thiện pháp luật ĐMST phải đảm bảo sự tương thích và thực thi đầy đủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, đặc biệt là các cam kết về SHTT trong các FTA thế hệ mới (EVFTA, CPTPP, RCEP) và các điều ước quốc tế của WIPO. Đồng thời, cần tạo dựng một khung pháp lý thuận lợi cho hợp tác quốc tế về R&D, chuyển giao công nghệ và thu hút đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực công nghệ cao và ĐMST.

Thích ứng với các xu hướng công nghệ và pháp lý mới trên toàn cầu: Pháp luật ĐMST cần có khả năng thích ứng nhanh với sự xuất hiện của các công nghệ mới nổi như AI, Big Data, Blockchain. Điều này đòi hỏi việc xây dựng các quy định quản lý linh hoạt, cân bằng giữa mục tiêu thúc đẩy ĐMST và yêu cầu quản lý rủi ro, bảo vệ lợi ích công. Việc nghiên cứu và áp dụng các mô hình quản lý tiên tiến như khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát là cần thiết để tạo không gian cho các thử nghiệm chính sách và công nghệ mới.

Trong quá trình học hỏi kinh nghiệm quốc tế, Việt Nam cần xem xét đến bối cảnh kinh tế, xã hội, văn hóa và trình độ phát triển thể chế đặc thù của Việt Nam để có sự tùy chỉnh và thích ứng cho phù hợp. Cần phân tích kỹ lưỡng các điều kiện tiên quyết, các yếu tố thành công và thất bại của các mô hình pháp lý ở nước ngoài để có thể chất lọc và vận dụng những gì phù hợp nhất với thực tiễn Việt Nam.

4.3. Phân tích các khoảng trống, bất cập trong khung pháp lý về đổi mới sáng tạo hiện hành của Việt Nam

Từ các phân tích ở trên có thể thấy các khoảng trống và bất cập chính trong khung pháp lý về ĐMST hiện hành của Việt Nam như sau:

Thiếu đồng bộ và nhất quán: Hệ thống pháp luật liên quan đến ĐMST còn thiếu sự đồng bộ, nhất quán giữa các luật chuyên ngành (như Luật KH&CN, Luật SHTT, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp) và các văn bản hướng dẫn thi hành, cũng như giữa các luật này với các luật về tài chính, ngân sách, thuế. Điều này gây khó khăn, chồng chéo trong quá trình áp dụng và thực thi.

Cơ chế tài chính cứng nhắc: Các quy định về cơ chế tài chính cho KH,CN&ĐMST còn mang nặng tính hành chính, cứng nhắc, chưa thực sự khuyến khích đầu tư từ khu vực tư nhân và chưa tạo điều kiện cho việc chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học và các dự án ĐMST mang tính đột phá.

Thủ tục hành chính phức tạp: Các thủ tục hành chính liên quan đến đăng ký, bảo hộ SHTT, phê duyệt và triển khai các dự án R&D, tiếp cận các chính sách ưu đãi còn phức tạp, rườm rà, tốn kém thời gian và chi phí cho doanh nghiệp và các nhà nghiên cứu.

Chính sách ưu đãi chưa hấp dẫn hoặc khó tiếp cận: Mặc dù đã có nhiều chính sách ưu đãi, nhưng tính hấp dẫn và khả năng tiếp cận của các chính sách này đối với doanh nghiệp, đặc biệt là DNNVV và doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST, còn hạn chế do các điều kiện phức tạp hoặc thiếu nguồn lực triển khai hiệu quả.

Vướng mắc trong thương mại hóa kết quả nghiên cứu công: Các quy định về sở hữu, quản lý và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học được tạo ra từ ngân sách nhà nước tại các viện nghiên cứu, trường đại học công lập còn nhiều vướng mắc, chưa tạo động lực mạnh mẽ cho việc đưa các kết quả này vào ứng dụng thực tiễn.

Thiếu khung pháp lý cho các mô hình ĐMST mới: Chưa có khung pháp lý rõ ràng và phù hợp cho các mô hình kinh doanh ĐMST mới dựa trên nền tảng công nghệ (như kinh tế chia sẻ, fintech, edtech) và các công nghệ mới nổi (như AI, blockchain, Big Data).

Năng lực thực thi và giám sát hạn chế: Năng lực của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực thi và giám sát việc tuân thủ pháp luật về ĐMST và SHTT còn hạn chế dẫn đến hiệu quả chính sách chưa cao.

Bảng 4: Các khoảng trống và bất cập chính trong khung pháp lý ĐMST Việt Nam và yêu cầu hoàn thiện

Lĩnh vực pháp lý	Bất cập/Khoảng trống hiện tại	Yêu cầu hoàn thiện (từ bối cảnh trong nước và quốc tế)
Tổng thể khung pháp lý	Thiếu đồng bộ, nhất quán giữa các luật; một số quy định lạc hậu, chưa theo kịp thực tiễn ĐMST.	Rà soát, sửa đổi đồng bộ các luật liên quan; xây dựng các quy định linh hoạt, có khả năng thích ứng với sự thay đổi nhanh của công nghệ và mô hình kinh doanh.
Tài chính cho ĐMST	Cơ chế tài chính cứng nhắc, thiếu linh hoạt, chưa chấp nhận rủi ro; khó tiếp cận	Đa dạng hóa nguồn vốn; cơ chế tài chính linh hoạt, chấp nhận rủi ro có kiểm soát; tăng chi ngân sách và

Lĩnh vực pháp lý	Bất cập/Khoảng trống hiện tại	Yêu cầu hoàn thiện (từ bối cảnh trong nước và quốc tế)
	nguồn vốn ưu đãi; tỷ lệ chi cho R&D thấp.	khuyến khích tư nhân đầu tư cho R&D; cải thiện chính sách thuế, tín dụng ưu đãi.
Sở hữu trí tuệ	Thủ tục đăng ký phức tạp; năng lực thực thi còn yếu; vướng mắc trong thương mại hóa SHTT từ NSNN; xung đột nhãn hiệu - tên thương mại.	Đơn giản hóa thủ tục, tăng cường thực thi quyền SHTT (đặc biệt môi trường số); cơ chế chia sẻ lợi ích SHTT từ NSNN rõ ràng; giải quyết xung đột pháp lý.
Hỗ trợ doanh nghiệp ĐMST	Chính sách ưu đãi chưa đủ hấp dẫn, khó tiếp cận (đặc biệt DNNVV, startup); thiếu hỗ trợ thực chất cho thương mại hóa.	Xây dựng các gói ưu đãi đặc thù, dễ tiếp cận; hỗ trợ kết nối thị trường, công nghệ, nhân lực; phát triển quỹ đầu tư mạo hiểm.
Phát triển nguồn nhân lực	Chất lượng nhân lực chưa đáp ứng; thiếu chính sách thu hút nhân tài; liên kết đào tạo - doanh nghiệp yếu.	Cải cách giáo dục đại học, đào tạo nghề; chính sách đãi ngộ đặc biệt cho nhân tài KHCN; thúc đẩy hợp tác trường - doanh nghiệp.
Quản lý nhà nước và cơ chế thử nghiệm	Thủ tục hành chính rườm rà; thiếu khung pháp lý cho mô hình mới, công nghệ mới; năng lực điều phối, giám sát hạn chế.	Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số trong quản lý; xây dựng khung pháp lý thử nghiệm (sandbox); tăng cường năng lực và phối hợp liên ngành.

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

5. Đề xuất hoàn thiện các quy định pháp luật về đổi mới sáng tạo ở Việt Nam

5.1. Các nguyên tắc định hướng cho cải cách pháp luật

Việc hoàn thiện các quy định pháp luật về ĐMST tại Việt Nam cần được định hướng bởi các nguyên tắc cơ bản sau:

Lấy doanh nghiệp làm trung tâm: Các quy định pháp luật phải được thiết kế với trọng tâm là doanh nghiệp, đặc biệt là DNNVV và doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST. Cơ chế pháp lý phải tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tiếp cận nguồn lực, triển khai hoạt động R&D, thương mại hóa sản phẩm và mở rộng thị trường; Nhà nước cần có chính sách ưu đãi về tài chính, thuế, đất đai, đấu thầu và tín dụng để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao trình độ công nghệ, năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa;

Đồng bộ và nhất quán: Cần đảm bảo sự thống nhất, hài hòa và không mâu thuẫn giữa các quy định trong Luật KH,CN&ĐMST với các luật chuyên ngành khác như Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Sở hữu trí tuệ, các luật về thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Linh hoạt và thích ứng: Trong bối cảnh công nghệ và các mô hình kinh doanh thay đổi nhanh chóng, pháp luật cần có tính linh hoạt, khả năng điều chỉnh và cập nhật kịp thời để không trở thành rào cản cho sự sáng tạo và phát triển.

Minh bạch và dễ tiên liệu: Các quy định pháp luật phải rõ ràng, dễ hiểu, dễ áp dụng và có tính ổn định tương đối để các chủ thể có thể tiên liệu và tuân thủ, đồng thời tạo niềm tin cho các nhà đầu tư.

Hội nhập quốc tế: Pháp luật về ĐMST của Việt Nam cần phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia và tiệm cận với các thông lệ, chuẩn mực quốc tế tốt nhất, tạo điều kiện cho hợp tác và thu hút nguồn lực từ bên ngoài.

Chấp nhận rủi ro có kiểm soát: Cần xây dựng các cơ chế pháp lý cho phép chấp nhận một mức độ rủi ro nhất định trong các hoạt động R&D và ĐMST mang tính đột phá đi kèm với các biện pháp quản trị rủi ro hiệu quả.

Đảm bảo cân bằng lợi ích: Pháp luật cần đảm bảo sự cân bằng hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, các nhà nghiên cứu, doanh nghiệp và toàn xã hội trong quá trình tạo ra và thụ hưởng thành quả của ĐMST.

5.2. Đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật chủ chốt

5.2.1. Hoàn thiện Dự thảo Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo

Cần luật hóa một cách đầy đủ và toàn diện khái niệm ĐMST, không chỉ giới hạn ở ĐMST công nghệ mà còn bao gồm cả ĐMST phi công nghệ, ĐMST trong quản lý, ĐMST trong mô hình kinh doanh, ĐMST mở và đặc biệt nhấn mạnh vai trò của ĐMST trong doanh nghiệp.

Quy định rõ ràng, cụ thể hơn về vai trò, trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các chủ thể trong hệ thống ĐMST quốc gia, bao gồm Nhà nước (trung ương và địa phương), các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, DNNVV, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST) và các tổ chức trung gian hỗ trợ ĐMST.

Cụ thể hóa cơ chế Nhà nước đặt hàng các nhiệm vụ KHCN và ĐMST dựa trên nhu cầu thực tiễn của thị trường, các vấn đề kinh tế - xã hội cấp bách và các mục tiêu chiến lược phát triển quốc gia, thay vì chỉ dựa trên đề xuất từ các nhà khoa học.

Hoàn thiện các quy định về việc thành lập, quản lý và vận hành các quỹ phát triển KHCN ở các cấp, đảm bảo tính độc lập, chuyên nghiệp, linh hoạt và hiệu quả trong việc tài trợ cho các hoạt động R&D và ĐMST, đặc biệt là các dự án có tính rủi ro cao nhưng tiềm năng đột phá lớn.

Bổ sung các quy định về việc đánh giá tác động của các chính sách và pháp luật về KH, CN & ĐMST một cách định kỳ và khoa học, làm cơ sở cho việc điều chỉnh và hoàn thiện chính sách.

5.2.2. Hoàn thiện Luật Sở hữu trí tuệ

Tăng cường các biện pháp bảo hộ và thực thi quyền SHTT một cách hiệu quả hơn, đặc biệt trong môi trường số, để phù hợp với các cam kết trong EVFTA, CPTPP và các điều ước quốc tế khác mà Việt Nam là thành viên.

Đơn giản hóa các thủ tục đăng ký và xác lập quyền SHTT, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong toàn bộ quy trình quản lý SHTT từ nộp đơn, tra cứu đến giải quyết tranh chấp.

Quy định rõ ràng và công bằng hơn về quyền SHTT đối với các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra từ nguồn ngân sách nhà nước, xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích hợp lý giữa Nhà nước, tổ chức chủ trì và tác giả sáng chế, khuyến khích việc thương mại hóa các tài sản trí tuệ này.

Nghiên cứu và có giải pháp hiệu quả để giải quyết các xung đột pháp lý thường gặp, ví dụ như xung đột giữa nhãn hiệu và tên thương mại, tên miền.

Xây dựng các chương trình và chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là DNNVV, trong việc xây dựng chiến lược SHTT, đăng ký bảo hộ và khai thác hiệu quả các tài sản trí tuệ của mình.

5.2.3. Hoàn thiện Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp và các chính sách hỗ trợ

Rà soát và bổ sung các ngành, nghề ưu đãi đầu tư đặc biệt cho các hoạt động R&D, công nghệ cao, ĐMST, và các doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghệ ưu tiên của quốc gia.

Xây dựng các gói ưu đãi đầu tư đặc thù, bao gồm ưu đãi về thuế (thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu thiết bị R&D), đất đai (ưu tiên tiếp cận mặt bằng sản xuất tại các khu công nghệ cao, khu ĐMST) và tín dụng (lãi suất ưu đãi, bảo lãnh vay vốn) một cách hấp dẫn, minh bạch và dễ tiếp cận cho các dự án ĐMST và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động của các quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư thiên thần, tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động vốn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST.

Tăng cường hiệu quả và mở rộng phạm vi của các chương trình hỗ trợ DNNVV tham gia vào hoạt động ĐMST như các chương trình được quy định trong Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, đảm bảo các hỗ trợ này thực chất và đến được đúng đối tượng.

5.2.4. Cải thiện cơ chế tài chính, ưu đãi đầu tư và mua sắm công cho ĐMST

Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho ĐMST, không chỉ dựa vào ngân sách nhà nước mà còn khuyến khích mạnh mẽ sự tham gia của khu vực tư nhân, các quỹ đầu tư trong và ngoài nước.

Sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về thuế (Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế Thu nhập cá nhân) theo hướng tăng cường các ưu đãi cho chi tiêu R&D và ĐMST của doanh nghiệp, đồng thời có chính sách thuế hấp dẫn để thu hút và giữ chân nhân tài KHCN.

Cải cách các quy định về mua sắm công theo hướng ưu tiên lựa chọn các sản phẩm, dịch vụ ĐMST, các sản phẩm công nghệ được phát triển trong nước, tạo thị trường đầu ra cho các doanh nghiệp ĐMST.

Cho phép doanh nghiệp được trích lập quỹ phát triển KHCN&ĐMST với tỷ lệ cao hơn trên lợi nhuận trước thuế và có cơ chế sử dụng quỹ này một cách linh hoạt, hiệu quả hơn, giảm bớt các rào cản hành chính.

5.2.5. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho đổi mới sáng tạo

Tiếp tục cải cách mạnh mẽ chính sách giáo dục và đào tạo ở tất cả các cấp bậc, đặc biệt là giáo dục đại học và đào tạo nghề, theo hướng phát triển năng lực tư duy sáng tạo, kỹ năng số, kỹ năng giải quyết vấn đề và các kỹ năng mềm khác, đáp ứng nhu cầu của các ngành công nghệ cao và nền kinh tế dựa trên ĐMST.

Xây dựng và triển khai các chính sách đãi ngộ đặc biệt, vượt trội để thu hút, giữ chân và phát huy tài năng của các nhà khoa học giỏi, các chuyên gia công nghệ đầu ngành, bao gồm cả người Việt Nam ở nước ngoài và các chuyên gia quốc tế có uy tín.

Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho sự hợp tác chặt chẽ giữa các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

5.2.6. Đổi mới quản lý nhà nước, tăng cường phối hợp chính sách và thí điểm các cơ chế linh hoạt

Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước về KHCN&ĐMST ở cả trung ương và địa phương.

Tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp trong việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực thi các chính sách, pháp luật về ĐMST, tránh tình trạng chồng chéo, thiếu nhất quán.

Xây dựng và triển khai hiệu quả khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát cho các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới, đặc biệt trong các lĩnh vực có tiềm năng phát triển nhanh nhưng chưa có quy định pháp lý đầy đủ.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước về KHCN&ĐMST, hướng tới một hệ thống quản lý minh bạch, hiệu quả và dựa trên dữ liệu.

Việc hoàn thiện pháp luật ĐMST tại Việt Nam là một quá trình phức tạp, đòi hỏi sự cân nhắc kỹ lưỡng giữa việc kế thừa những quy định hiện có, tiếp thu kinh nghiệm quốc tế và đảm bảo phù hợp với bối cảnh đặc thù của đất nước.

6. Kết luận

Bài viết đã phân tích bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến hoạt động đổi mới sáng tạo, từ đó làm rõ những yêu cầu cấp bách và các khoảng trống pháp lý còn tồn tại trong hệ thống pháp luật về ĐMST của Việt Nam. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số nguyên tắc định hướng và nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện khung pháp lý cho ĐMST theo hướng đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với xu thế phát triển toàn cầu.

Kết quả phân tích cho thấy, mặc dù Việt Nam đã có những nỗ lực đáng kể và đạt được một số thành tựu nhất định trong việc thúc đẩy ĐMST, thể hiện qua sự cải thiện thứ hạng GII, sự phát triển bước đầu của hệ sinh thái khởi nghiệp, tuy nhiên, vẫn còn đó những thách thức lớn. Khung pháp lý hiện hành còn thiếu đồng bộ, nhiều quy định còn cứng nhắc, chưa theo kịp thực tiễn phát triển năng động của ĐMST và các thông lệ quốc tế tốt. Cơ chế tài chính chưa thực sự khuyến khích đầu tư mạo hiểm và chấp nhận rủi ro; năng lực ĐMST của doanh nghiệp, đặc biệt là DNNVV, còn hạn chế; sự liên kết giữa các chủ thể trong hệ thống ĐMST còn lỏng lẻo; và nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng đủ yêu cầu của nền kinh tế tri thức.

Trong bối cảnh quốc tế với sự cạnh tranh công nghệ ngày càng gay gắt, các xu hướng ĐMST mới nổi và các cam kết hội nhập sâu rộng, việc hoàn thiện pháp luật ĐMST trở thành một yêu cầu tất yếu để Việt Nam có thể tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức và đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra. Một số hàm ý chính sách được chỉ ra như sau:

- Trước hết, quá trình hoàn thiện pháp luật ĐMST không nên chỉ dừng lại ở việc sửa đổi một vài đạo luật riêng lẻ mà cần một cách tiếp cận tổng thể, liên ngành, đảm bảo tính đồng bộ và nhất quán của toàn bộ hệ thống pháp luật liên quan.
- Thứ hai, cần có sự thay đổi mạnh mẽ trong tư duy quản lý nhà nước, chuyển từ việc kiểm soát chặt chẽ quy trình sang quản lý dựa trên hiệu quả đầu ra, chấp nhận rủi ro có kiểm soát và tạo không gian cho sự sáng tạo.
- Thứ ba, các chính sách hỗ trợ cần được thiết kế một cách thực chất, dễ tiếp cận và phù hợp với nhu cầu đa dạng của các chủ thể ĐMST, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp.
- Thứ tư, việc học hỏi kinh nghiệm quốc tế cần đi đôi với sự phân tích, chọn lọc và điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Một điểm quan trọng cần nhấn mạnh, đó là ĐMST được nhìn nhận là một lĩnh vực luôn thay đổi nhanh chóng, gắn liền với sự phát triển không ngừng của khoa học, công nghệ và sự biến đổi của các mô hình kinh doanh. Do đó, khung pháp lý về ĐMST không thể là một hệ thống tĩnh tại mà phải có khả năng thích ứng và cập nhật liên tục. Vì vậy, việc hoàn thiện pháp luật ĐMST tại Việt Nam không phải là một công việc chỉ làm một lần rồi kết thúc. Việc hoàn thiện này đòi hỏi một quy trình rà soát, đánh giá tác động và cập nhật liên tục để đảm bảo rằng hệ thống pháp luật luôn là công cụ hỗ trợ đắc lực, không phải là rào cản cho sự phát triển mạnh mẽ và bền vững của ĐMST. Cần thiết phải xây dựng các cơ chế theo dõi, giám sát và đánh giá tác động của pháp luật ĐMST một cách thường xuyên, có sự tham gia của các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nghiệp và cộng đồng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và Công nghệ (2023). Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo Việt Nam 2023, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật
2. Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN (2023). Hệ sinh thái ĐMST Việt Nam 2023.
3. Ngân hàng Thế giới (2024). Đẩy mạnh khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, Điểm lại tháng 4/2024.
4. Financial Conduct Authority (FCA), UK. (2017). Regulatory Sandbox Lessons Learned Report.
5. OECD, 2009: Innovation and Growth: Chasing a moving frontier, Edited by Vandana Chandra, Deniz Eröcal, Pier Carlo Padoan, Carlos A. Primo Braga, OECD and World Bank
6. OECD/Eurostat, 2018: Oslo Manual 2018: Guidelines for Collecting, Reporting and Using Data on Innovation, 4th Edition. The Measurement of Scientific, Technological and Innovation Activities, OECD Publishing, Paris/Eurostat, Luxembourg
7. WIPO (2024a). Global Innovation Index 2024: Unlocking the Promise of Social Entrepreneurship, World Intellectual Property Organisation
8. WIPO (2024b). Global Innovation Index 2024: Viet Nam ranking in the Global Innovation Index 2024, World Intellectual Property Organisation.
9. World Bank (2021). Vietnam Science, Technology and Innovation Report. World Bank.